

BẢO TÀNG “HÁN - NÔM” - MỘT PHƯƠNG THỨC BẢO TỒN DI SẢN NHO GIÁO VIỆT NAM

PGS. TS. ĐẶNG VĂN BÀI*

1. Nhận thức và quan điểm tiếp cận

Bảo tàng “Hán - Nôm” là một thiết chế văn hóa-loại bảo tàng chuyên ngành có tính đặc thù riêng. Do đó, cần thống nhất quan điểm nhận thức chung và cơ sở khoa học để trao đổi về một số vấn đề liên quan đến các hình thức hoạt động của nó.

1.1. Di sản Hán - Nôm/di sản ít nhiều gắn với Nho giáo Việt Nam là một thành tố trong kho tàng di sản văn hóa dân tộc.

Nhìn tổng quát, văn hóa của mỗi quốc gia bao giờ cũng có hai bộ phận cấu trúc quan trọng là: yếu tố văn hóa bản địa/nội sinh và yếu tố văn hóa ngoại sinh/tiếp thu ảnh hưởng từ nước ngoài.

- Yếu tố văn hóa nội sinh/bản địa là những giá trị văn hóa tiêu biểu, được hun đúc, chọn lọc và kế thừa, trao truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác trong lãnh thổ một quốc gia dân tộc.

- Yếu tố văn hóa ngoại sinh là những tinh hoa văn hóa của các nước láng giềng, các nước trong cùng khu vực địa lý - văn hóa và của nhân loại được lựa chọn, tiếp thu và hội nhập với văn hóa bản địa và được tiếp biến trong tiến trình lịch sử lâu dài, đã trở thành một bộ phận văn hóa không thể tách rời của quốc gia, dân tộc, góp phần làm nên sự đa dạng văn hóa của đất nước. Tương tự như vậy, Nho giáo Trung Hoa đã được hấp thụ, tiếp biến, đào luyện, thích nghi trong những điều kiện chính trị, kinh tế và văn hóa - xã hội của Việt Nam để trở thành Nho học Việt Nam - một thành tố văn hóa dân tộc. Có thể coi đây là cơ sở nhận thức khoa học

quan trọng cho các hoạt động bảo tồn, tôn vinh các giá trị văn hóa Nho học Việt Nam nói chung và xây dựng bảo tàng Hán - Nôm nói riêng.

Trong văn hóa dân tộc (khi xã hội có sự phân hóa rõ rệt), luôn có hai dòng chảy văn hóa: văn hóa dân gian và văn hóa bác học.

- Văn hóa dân gian là yếu tố tạo nên bề dày lịch sử của văn hóa dân tộc (lối sống, nếp sống, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo..., các khuôn mẫu văn hóa, chuẩn mực đạo đức). Văn hóa dân gian là sản phẩm sáng tạo của cộng đồng cư dân các địa phương, nên thường mang tính tập thể, lưu giữ bằng trí nhớ, ký ức và lưu truyền bằng phương thức truyền miệng, truyền nghề (cầm tay chỉ việc).

- Văn hóa bác học là bộ phận quan trọng tạo nên những đỉnh cao, làm nên tầm vóc văn hóa dân tộc. Dòng văn hóa này mang tính chuyên nghiệp và là sản phẩm sáng tạo mang dấu ấn cá nhân rõ rệt, được ghi chép lại, thể hiện ra bằng các tác phẩm khoa học, văn học nghệ thuật nổi tiếng, được phổ biến qua phương thức in ấn, xuất bản, tức là bằng ngôn ngữ/chữ viết.

Kho tàng di sản văn hóa dân tộc cũng có hai bộ phận cấu thành là di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể như định nghĩa tại Điều 1 *Luật di sản văn hóa*: “là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”¹.

Tính chất kép của văn hóa đặt ra yêu cầu phải có thái độ ứng xử công bằng và bình đẳng đối với cả hai dòng văn hóa và hai loại hình di sản văn hóa,

* Phó Chủ tịch Hội Di sản văn hoá Việt Nam

không quá coi trọng hoặc đề cao dòng văn hóa nào, loại hình di sản văn hóa nào. Và do đó, cũng cần xem lại cách tiếp cận của chúng ta với Nho giáo Việt Nam cũng như di sản Hán - Nôm mà không lệ thuộc hay thay đổi theo các xu thế chính trị.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có quan điểm thật cụ thể về văn hóa: "Vi lễ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học nghệ thuật, những công cụ sinh hoạt hàng ngày về ăn, mặc, ở và phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó là văn hóa". Ta thấy rõ trong quan niệm của Bác, ngôn ngữ và chữ viết có vai trò quan trọng hàng đầu trong các loại hình di sản văn hóa phi vật thể. Bởi vì ngôn ngữ, chữ viết là phương tiện chuyển tải tư tưởng của con người, phương tiện giao tiếp của con người. Đối chiếu với thực tế lịch sử dân tộc, ta cũng nhận rõ hai loại chữ viết có tác dụng to lớn trong đời sống xã hội là: chữ Hán - Nôm và chữ Quốc ngữ. Cũng có thể coi đây là hai thành tựu văn hóa quan trọng của Việt Nam. Vì thế, khi bàn đến việc bảo tồn di sản văn hóa Nho học, chúng ta cũng phải quan tâm tới phương tiện quan trọng của nó là chữ Hán - Nôm.

1.2. Nho giáo Việt Nam về căn bản là thuộc dòng văn hóa bác học. Nó cũng mang đậm dấu ấn cá nhân của các nhà Nho/bậc đại khoa và được sáng tạo bằng ngôn ngữ chữ viết. Vì thế, rất cần quan tâm tới hai loại chủ thể sáng tạo quan trọng nhất trong di sản Hán - Nôm là:

- Các bậc danh Nho/danh nhân đất nước là những cá nhân xuất chúng, có những đóng góp xứng đáng cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước qua hàng ngàn năm lịch sử (Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn, thần Siêu, thánh Quát...). Đặc biệt, phải kể đến các vị vua khai sáng của triều đại phong kiến và cũng rất uyên thâm Nho học (Lý Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Lê Thánh Tông...). Các vị đó đã sáng tạo và để lại cho chúng ta những giá trị nhân văn cao đẹp như: lòng yêu nước thương dân, tấm gương đạo đức sáng ngời và những kiệt tác trong nhiều lĩnh vực đời sống xã hội (kinh tế, chính trị, quân sự, văn học nghệ thuật). Đó cũng là niềm tự hào cho chúng ta hôm nay.

- Các dòng họ - danh gia vọng tộc có truyền

thống hiếu học, nhiều đời liên tục có con cháu kế tiếp đỗ đạt cao trong các kỳ thi Nho giáo, lựa chọn hiền tài thời phong kiến. Ta có thể thấy rõ truyền thống hiếu học như của dòng họ Hoàng Trình Thanh, làng Đa Sĩ (Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội). Cụ được tôn vinh là người khai khoa cho dòng họ. Đó là một nhà Nho có khí tiết, trải bốn triều vua Lê (Thái Tổ, Thái Tông, Nhân Tông và Thánh Tông), từng hai lần đi sứ Tàu và giữ các chức vụ như: Tiến học sinh Cục trưởng, Chánh trưởng Nội mật viện, Trung nghị đại phu Hàn lâm viện Thị độc. Về học vấn, cụ đứng thứ ba khoa Hoàn từ (1431) và đỗ đầu khoa Chân Nho chính trực (1442). Gia đình cụ, ba đời ông cháu, cha con đều đỗ đại khoa, là gia đình giàu của, giàu đức, nối đời làm quan, hết lòng thương dân nghèo lao động. Chỉ riêng hàng khoa giáp ghi trong "Đăng khoa lục", gia đình Hoàng Trình Thanh đã có 8 cháu chất là tiến sĩ, trong đó có 1 trạng nguyên, 1 hoàng giáp².

Đến đây, lại xuất hiện thêm một khái niệm mới cần trao đổi là "văn hóa dòng họ". Theo Võ Hồng Hải, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hà Tĩnh, văn hóa dòng họ "là một dạng thức của văn hóa dân tộc, một tiểu hệ thống văn hóa, chứa đựng toàn bộ những giá trị văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và văn hóa tâm linh do các dòng họ sáng tạo ra trong quá trình hình thành và phát triển". Đối chiếu với các dòng họ danh gia, vọng tộc, đặc biệt là các dòng họ có truyền thống Nho học như dòng họ Hoàng Trình Thanh ở Đa Sĩ, ta thấy các cá nhân/bậc đại khoa đã góp phần làm nên giá trị văn hóa dòng họ. Đến lượt mình, văn hóa dòng họ tham gia vào việc tạo ra diện mạo văn hóa làng xã và cùng với văn hóa làng xã tạo ra nét văn hóa đặc trưng của vùng, miền. Khi chúng ta gắn kết văn hóa các dòng họ (trong đó có dòng họ khoa bảng Nho học) vào mạng lưới văn hóa các vùng, miền, sẽ được bức tranh sống động về nét đa dạng văn hóa dân tộc.

Nói tới văn hóa dòng họ là phải nhắc đến một địa danh nổi tiếng "làng Mộ Trạch, lò tiến sĩ xứ Đông" tức Hải Dương ngày nay. Trong làng này có 9 họ cùng cư trú: Vũ, Lê, Nguyễn, Nhữ, Phạm, Trương, Tạ, Lương, Cao, thì có tới 4 dòng họ đỗ đạt, hiển vinh. "Trong 36 tiến sĩ người làng Mộ Trạch, ngoài 29 người họ Vũ, còn 05 người thuộc họ Lê,

01 người thuộc họ Nhữ, 01 người thuộc họ Nguyễn đã đỗ đạt cao trong các kỳ thi”³.

Theo bảng kê ở phụ lục quyển *Lược truyện tác gia Việt Nam*, xuất bản năm 1971, từ năm 1075 đến năm 1919, cả nước có 187 khoa thi hội, tuyển được 2.991 tiến sĩ, mà chỉ riêng làng Mộ Trạch đã có tới 36 tiến sĩ thì thật là hiển vinh.

Nhìn vào sơ đồ phân bố di tích văn hóa của làng Mộ Trạch, ta thấy có 27 di tích đủ các loại hình, mà phần đông có gắn với di sản văn hóa Nho học⁴ và chắc chắn trong nội thất của các di tích làng Mộ Trạch còn chứa đựng cả một kho tàng tài liệu Hán- Nôm.

Có thể hiểu, văn hóa làng là sự tích hợp đặc trưng trong văn hóa của các đặc trưng trong văn hóa dòng họ để tạo nên diện mạo văn hóa của một làng cụ thể. Căn cứ vào đặc điểm này, ta thấy rõ diện mạo văn hóa của làng Mộ Trạch - Hải Dương là một “lò tiến sĩ”, là truyền thống hiếu học, một mặt tiêu biểu của truyền thống văn hóa Việt Nam.

1.3. Di sản văn hóa Nho học góp phần tạo nên nét đa dạng văn hóa cũng như bản sắc văn hóa Việt Nam.

Để cập đến khái niệm “bản sắc văn hóa dân tộc”, các nhà khoa học thường nhấn mạnh đến 3 yếu tố cơ bản là:

- Phẩm chất, bản lĩnh và thái độ ứng xử văn hóa của các quốc gia trong quá trình sáng tạo văn hóa ở quá khứ và hiện tại.

- Hệ thống các giá trị văn hóa truyền thống.

- Di sản văn hóa - bằng chứng vật chất biểu hiện cụ thể, dễ nhận biết về bản sắc văn hóa dân tộc.

Ta có thể căn cứ vào các tiêu chí nêu trên để nhận diện di sản văn hóa Nho giáo, cũng như di sản Hán - Nôm của Việt Nam. Trong quá khứ, các triều đại quân chủ Việt Nam đã sử dụng hệ thống giáo lý Nho giáo về chính trị - xã hội và đạo đức làm “công cụ tinh thần” để trị nước, biến nó thành chỗ dựa tinh thần của xã hội ở các mặt chính dưới đây:

- Áp dụng mô hình giáo dục, thi cử, tuyển lựa nhân tài theo kiểu Nho giáo.

- Dựa vào tư tưởng Nho giáo, xây dựng các bộ luật để cai trị đất nước.

- Di sản Hán - Nôm là phương tiện chuyển tải tư tưởng Nho giáo với tư cách là loại tài liệu khoa học/tài sản văn hóa chứa đựng hàm lượng thông

tin đa dạng về lĩnh vực đời sống xã hội. Đặc biệt, phải nhắc đến hai di sản Hán - Nôm tiêu biểu đã được UNESCO công nhận là di sản tư liệu/ký ức của nhân loại khu vực châu Á - Thái Bình Dương như “Châu bản triều Nguyễn” và hệ thống bia ở Văn miếu - Quốc Tử giám Hà Nội.

- Truyền thống hiếu học với tinh thần tôn sư trọng đạo - một nét đẹp trong văn hóa Nho giáo Việt Nam.

- Di sản văn hóa vật thể gắn với Nho giáo Việt Nam là hệ thống các di tích lịch sử - văn hóa (văn miếu, văn chỉ, từ chỉ, nhà thờ của các bậc danh Nho, nhà thờ - từ đường của các dòng họ đại khoa...).

Đặc biệt, phải kể tới các giá trị văn hóa phi vật thể hàm chứa trong kho tư liệu Hán - Nôm đa dạng, phong phú và quý giá của Viện Nghiên cứu Hán - Nôm, cũng như các thư viện khoa học ở Việt Nam và nước ngoài.

Bàn về bảo tồn di sản văn hóa Việt Nam cũng như di sản Hán - Nôm, tôi muốn dẫn ra đây quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng đời sống mới:

“Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới.

Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ. Thí dụ: ta phải bỏ hết tính lười biếng, tham lam.

Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý. Thí dụ: đơm cúng, cưới hỏi quá xa xỉ, ta phải giảm bớt đi.

Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm. Thí dụ: ta phải tương thân tương ái, tận trung với nước, tận hiếu với dân hơn khi trước.

Cái gì mới mà hay, thì ta phải làm. Thí dụ: ăn ở cho hợp vệ sinh, làm việc cho có ngăn nắp.

Làm thế nào cho đời sống của dân ta, vật chất được đầy đủ hơn, tinh thần được vui mạnh hơn. Đó là mục đích đời sống mới”⁵.

Đời sống mới được Bác Hồ viết từ năm 1947 nhưng quan điểm thể hiện trong tập sách này đến nay vẫn còn nguyên giá trị cho chúng ta tham vấn để xử lý các vấn đề liên quan đến truyền thống và hiện đại, đặc biệt là quan điểm bảo tồn di sản văn hóa Nho học và di sản Hán - Nôm.

2. *Báo tàng là một trong những phương thức bảo tồn di sản Hán - Nôm*

2.1. Tầm quan trọng của văn hóa và di sản văn

hóa (trong đó có di sản Hán - Nôm) trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã được Đảng và Nhà nước khẳng định trong các văn kiện quan trọng như: Nghị quyết của các kỳ Đại hội Đại biểu toàn quốc khóa IX, X, XI của Đảng; Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (1998) đã được đưa vào nội dung chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 và được Quốc hội khẳng định bằng các điều, khoản quy định trong Luật di sản văn hóa năm 2001, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Trong xu thế toàn cầu hóa về kinh tế, hội nhập và giao lưu văn hóa quốc tế, chúng ta luôn quán triệt quan điểm: bảo tồn di sản văn hóa phải gắn với phát triển bền vững, cũng tức là hướng tới sự phát triển lâu dài, liên tục mà không làm tổn hại tới môi trường thiên nhiên và di sản văn hóa. Tăng trưởng kinh tế phải song song với việc quan tâm duy trì, bảo vệ và tái tạo: môi trường thiên nhiên, tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn và xây dựng môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh; bảo tồn di sản văn hóa phải gắn chặt và phục vụ thiết thực cho các mục tiêu phát triển; làm cho quá khứ và hiện tại trở thành cơ sở/nền tảng cho phát triển trong tương lai.

Bởi vậy, trong hoạt động bảo tồn di sản văn hóa nói chung và di sản Hán - Nôm nói riêng, chúng ta cần khắc phục một thực trạng đáng buồn là, với một dân tộc được coi là văn hiến có thể sánh ngang với "Hán, Đường, Tống, Nguyên..." xưa (như cách nhìn của Nguyễn Trãi), mà ở thời đại ngày nay, con cháu không biết đọc và hiểu được những gì cha ông để lại trong kho tàng di sản Hán - Nôm, nhất là ở các di tích lịch sử, văn hóa gắn với tín ngưỡng, tôn giáo. Tiếc là thực trạng đáng buồn này đã kéo dài khá lâu, tới hôm nay cũng chưa có được giải pháp thích ứng để khắc phục.

Do đó, đã đến lúc chúng ta phải nhận rõ tính chất cấp thiết của việc bảo tồn di sản Hán - Nôm để xây dựng một bảo tàng chuyên ngành - Bảo tàng Hán - Nôm, góp phần sưu tầm, nghiên cứu, kiểm kê, bảo quản và từng bước trưng bày cho công chúng biết và hiểu về kho tàng di sản Hán - Nôm mà các thế hệ tiền nhân đã để lại cho chúng ta.

2.2. Cần kết hợp cả hai hình thức "bảo tồn

động"/hay "bảo tàng sống" và "bảo tồn tĩnh" để xử lý các vấn đề liên quan đến di sản Hán - Nôm.

Hình thức "bảo tồn động"/hay "bảo tàng sống" là hình thức bảo tồn di sản trong đời sống của cộng đồng cư dân địa phương. Và, cũng có nghĩa là, di sản Hán - Nôm được bảo tồn ngay trong môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa - xã hội, nơi nó được sinh ra và hiện đang tồn tại, bảo tồn trong lòng dân và bằng chính nỗ lực của các chủ thể sáng tạo ra nó để phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt văn hóa của chính họ. Trường hợp này là di sản Hán - Nôm phải được bảo tồn trong dòng họ và bởi các dòng họ trong làng xóm.

Hình thức "bảo tồn động" có tác động tích cực tới sự phát triển cộng đồng. Di sản văn hóa được sống trong tâm tưởng, ký ức của người dân ở tất cả các cấp độ:

- Gia đình, dòng họ;
- Cộng đồng cư dân địa phương/làng xóm;
- Cộng đồng tộc người/các dân tộc trong một quốc gia;
- Cộng đồng quốc gia/dân tộc.

Với hình thức "bảo tồn động", cộng đồng có vai trò chủ thể, sẽ chủ động, tự nguyện và dân chủ bàn bạc tiến tới đồng thuận về các biện pháp bảo tồn và sử dụng di sản Hán - Nôm sao cho hiệu quả và phù hợp với lợi ích của họ. Còn Nhà nước, các nhà khoa học chỉ nên đóng vai trò hỗ trợ (cơ chế chính sách, kinh phí...), hướng dẫn cho cộng đồng tự giải quyết các vấn đề của mình.

Thúc đẩy hình thức hoạt động trên, hy vọng di sản Hán - Nôm nói chung và các thiết chế văn hóa gắn với Nho giáo nói riêng (văn miếu, văn chỉ, từ chỉ, nhà thờ, từ đường dòng họ...) sẽ khẳng định được vị trí trong đời sống cộng đồng.

Hình thức "bảo tồn tĩnh" có khả năng tạo ra những điều kiện vật chất và kỹ thuật (các thiết bị kỹ thuật hiện đại) để bảo tồn di sản Hán - Nôm trong tình trạng bảo quản ổn định, không tiếp tục bị xuống cấp, kéo dài được tuổi thọ dưới dạng nguyên gốc trong môi trường nhân tạo, như:

- Thư viện của Nhà nước và tư nhân;
- Các kho lưu trữ, bảo quản tư liệu của Viện Nghiên cứu Hán - Nôm và các cơ quan nghiên cứu khoa học;
- Các ngân hàng dữ liệu (data bank) thực hiện

việc số hóa và lưu trữ tài liệu Hán - Nôm;

- Tập hợp, khảo cứu, dịch thuật, biên tập và xuất bản dưới dạng ấn phẩm;
- Quay phim, chụp ảnh làm tài liệu tham khảo;
- Bảo tàng Hán - Nôm là thiết chế văn hóa đặc thù, có khả năng vừa bảo vệ, vừa phát huy có hiệu quả cao nhất các di sản Hán - Nôm.

2.3. Trong xu thế hội nhập và giao lưu văn hóa, các bảo tàng ngày càng khẳng định được vị trí trong đời sống xã hội.

Trước hết, bảo tàng triển khai đồng bộ 6 mặt hoạt động (nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, trưng bày và giáo dục công chúng) để bảo quản lâu dài và chuyển giao nguyên vẹn các bộ sưu tập hiện vật gốc cho các thế hệ tương lai tiếp tục có điều kiện kế thừa và phát huy giá trị di sản văn hóa do cha ông trao truyền lại.

Bảo tàng mở rộng cửa cho công chúng và các nhà nghiên cứu được tiếp cận nguồn thông tin chân thực đã được nghiên cứu và hệ thống hóa từ các bộ sưu tập hiện vật gốc. Đó là cơ sở giúp cho thế hệ hôm nay có điều kiện sáng tạo những giá trị văn hóa mới, bổ sung làm phong phú thêm kho tàng di sản văn hóa dân tộc.

Bảo tàng là loại thiết chế văn hóa đặc thù, tồn tại suốt chiều dài lịch sử nhân loại, bất chấp mọi sự thay đổi của thể chế chính trị ở các quốc gia.

Bảo tàng đóng vai trò là nhịp cầu văn hóa, gắn kết cộng đồng các dân tộc trong cùng một quốc gia, tạo cơ hội giao lưu, đối thoại văn hóa trên phạm vi toàn thế giới, giúp cho các quốc gia thêm hiểu biết lẫn nhau, tăng cường quan hệ hữu nghị trên tinh thần khoan dung văn hóa, hướng đến nền hòa bình chung cho toàn nhân loại.

Trong hình thức “bảo tồn tĩnh”, bảo tàng Hán - Nôm, với tư cách là một bảo tàng chuyên ngành hẹp, có đầy đủ điều kiện để bảo vệ và phát huy di sản Hán - Nôm. Có thể đưa ra những nét tổng quát

sau đây:

- Đối tượng nghiên cứu, sưu tầm chủ yếu là các di sản Hán - Nôm liên quan đến các bậc danh Nho/đại khoa (thân thế, sự nghiệp và công lao đóng góp cho xã hội), các dòng họ danh gia vọng tộc, các làng có truyền thống hiếu học, các di tích lịch sử - văn hóa liên quan đến Nho học, các công cụ và phương thức thể hiện chữ Hán - Nôm cũng như chất liệu, cách thức in ấn, khắc chữ Hán - Nôm.

- Kho bảo quản các bộ sưu tập hiện vật gốc, tài liệu Hán - Nôm và phần trưng bày dựa trên cơ sở các bộ sưu tập tài liệu Hán - Nôm đã được nghiên cứu, dịch thuật, chỉnh lý khoa học và được tập hợp thành hệ thống các chủ đề trưng bày trong khuôn viên và nội thất kiến trúc ngôi nhà bảo tàng trong tương lai.

- Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học hiểu các mặt hoạt động khoa học liên quan đến việc nghiên cứu, bảo vệ và phát huy giá trị di sản Hán - Nôm.

Tóm lại, những nội dung trình bày cụ thể ở trên cho phép ta khẳng định sự cần thiết phải sớm triển khai việc chuẩn bị xây dựng bảo tàng Hán - Nôm, góp phần gìn giữ di sản Hán - Nôm - một bộ phận di sản văn hóa Nho giáo Việt Nam và cũng tức là thiết thực bảo vệ kho tàng di sản văn hóa chung của đất nước./.

D.V.B

Chú thích:

1- *Luật di sản văn hóa năm 2001, được sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, Tr. 32.

2- Nguyễn Doãn Tuân, Nhà thờ, từ chỉ Hoàng Trình Thanh-phương thức bảo tồn và phát huy giá trị di tích, *Tân Viên Sơn - Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật số 11*, 2011, Tr. 41.

3- Bảo tàng Hải Dương, Mộ Trạch - Làng tiến sĩ, 1997, Tr. 180.

4- *Sđđ*, Tr. 119.

5- Hồ Chí Minh, *Đời sống mới*, Nxb. Chính trị quốc gia và Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2005, Tr. 8.

Đặng Văn Bài: A Museum of Han Nom Script - One Method to Safeguard Vietnamese Confucius

Heritage

The author presents the connotation of the heritage of Han Nom script as an element of the treasure of national cultural heritage. Since he opens a discussion on the safeguarding and promoting the values of this element by museology methods.